

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY TNHH MTV
HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC I
MST: 0300443683

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 242/BC-CTHTTHHKV.I Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

Thực hiện Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I báo cáo công bố thông tin định kỳ các nội dung như sau:

- Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm 2020.
- Báo cáo công bố thông tin định kỳ về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 3 năm gần nhất.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I trân trọng báo cáo. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Công ty (để b/c);
- KSV Công ty (để b/c)
- Ban Giám đốc Công ty;
- Các phòng, trạm;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu: VT, KHKD.

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
THÀNH VIÊN MIỀN NAM
MỘT THÀNH VIÊN
HOA TIÊU HÀNG HẢI
KHU VỰC I
TP. HỒ CHÍ MINH

Lương Ngọc Hương



CÔNG TY TNHH MTV
HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC I
Số T: 0300443683

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2020

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Lượt tàu	13.500	14.526	107,60 %	103,90 %
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	Lượt tàu	-	-	-	-
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	<i>Không có ý kiến phản hồi của khách hàng về chất lượng dịch vụ không đạt yêu cầu</i>				
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Triệu đồng	134.377	147.975	110,12 %	105,75 %
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Triệu đồng	187.856	200.698	106,84 %	101,65 %

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Trong quá trình dẫn tàu, hoa tiêu hàng hải không để xảy ra tai nạn do lỗi chủ quan của hoa tiêu gây ô nhiễm môi trường biển.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.

Cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải chất lượng cao, đáp ứng dẫn tàu kịp thời nhằm bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải và góp phần bảo vệ chủ quyền, thực hiện quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia.

3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp (không có).

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.



Công ty cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo đúng quy trình đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Định kỳ 6 tháng, Công ty gửi phiếu đánh giá chất lượng dịch vụ cho một số đại lý, chủ tàu sử dụng dịch vụ của công ty, ghi nhận và xử lý kịp thời các phản ánh của khách hàng nhằm ngày càng hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty.

5. Quan hệ tốt với người lao động.

Trong năm 2020, Công ty đã ổn định việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc an toàn cho người lao động, 100% người lao động được tham gia khóa huấn luyện về an toàn lao động do Công ty tổ chức; người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố độc hại, nguy hiểm được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho người lao động trong doanh nghiệp.

Công ty giải quyết đầy đủ các chế độ phúc lợi cho người lao động, chi trả lương, thưởng và các khoản phụ cấp cho người lao động đầy đủ, kịp thời.



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**
Năm báo cáo: 2020

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 3 năm trước

Trong 3 năm 2017, 2018, 2019 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu chính như số lượt tàu có hoa tiêu dẫn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước và được Bộ Giao thông vận tải xếp loại doanh nghiệp loại A trong cả ba năm. Năm 2017, 2018 là hai năm đầu tiên Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I được Bộ Giao thông Vận tải cho triển khai thí điểm cơ chế thu theo giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải ban hành tại Quyết định 3946/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam và Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam thay cho cơ chế thu phí nộp ngân sách nhà nước, Nhà nước đặt hàng dịch vụ công ích và thanh toán theo đơn giá công ích hoa tiêu hàng hải. Nhờ vậy mà Công ty đã chủ động về nguồn thu, đảm bảo hoạt động ổn định, khai thác hiệu quả các tuyến luồng ra vào cảng biển an toàn, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh dịch vụ ngoài công ích, mang lại hiệu quả thiết thực. Tổng doanh thu có sự tăng trưởng đáng kể, thu nhập của người lao động được cải thiện, nộp ngân sách nhà nước tăng.

b) Về tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước:

- Dự án lắp đặt cột ăng ten VHF cho trạm hoa tiêu Bình Thuận: đã hoàn thành đưa vào sử dụng vào tháng 7/2017.
- Dự án xây dựng trạm hoa tiêu Long An: đã nghiệm thu đưa vào sử dụng từ tháng 3/2020, đang thực hiện hồ sơ quyết toán công trình.
- Dự án đóng mới tàu hoa tiêu Hưng Long: đã quyết toán vốn đầu tư dự án.
- Dự án hoàn cải thay 2 máy chính và 1 máy đèn tàu hoa tiêu Ngân Long đã quyết toán vốn đầu tư dự án.
- Mua mới 4 ô tô phục vụ công tác đưa, đón hoa tiêu dẫn tàu.

- Sửa chữa và thi công thiết bị nội thất văn phòng tòa nhà Pilotcol.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược)

Trong 3 năm qua, Công ty đã từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị để phục vụ đưa, đón, bố trí nơi tập kết hoa tiêu phục vụ dẫn tàu kịp thời, an toàn trên các tuyến luồng được cấp trên giao từ Vũng Tàu – Sài Gòn, Đồng Nai, Soài Rạp; Long An; Sông Tiền; Phú Quý; Vĩnh Tân, LPG Hòa Phú (Bình Thuận); khu chuyển tải Hồ Lân đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thuận lợi:

Từ năm 2017, Công ty được triển khai cơ chế thu theo giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải thay cho cơ chế thu phí nộp ngân sách, nhà nước đặt hàng và thanh toán theo đơn giá công ích hoa tiêu hàng hải. Nhờ vậy mà Công ty đã chủ động về nguồn thu, đảm bảo chi phí cho hoạt động kinh doanh của Công ty và có lãi.

- Khó khăn:

+ Trong môi trường cạnh tranh, có sự dịch chuyển lao động hoa tiêu ngoại hạng có kinh nghiệm, một số hoa tiêu ngoại hạng của Công ty xin nghỉ việc, chuyển sang các Công ty Hoa tiêu khác như Công ty Hoa tiêu Tân Cảng, Xi nghiệp hoa tiêu Vũng Tàu. Công ty phải liên tục tuyển dụng và đào tạo để bù cho số lượng hoa tiêu nghỉ việc, quá trình đào tạo hoa tiêu mất nhiều thời gian và tốn nhiều chi phí.

+ Chuyển giao tuyến dẫn tàu đoạn Sa Đéc – Cái Bè – Mỹ Tho và chiều ngược lại cho Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực V theo văn bản số 5042/CHHVN-PC ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Cục Hàng hải Việt Nam và văn bản số 3723/TCTBĐA/THHMN - QLHT ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

e) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực: phát triển đội ngũ hoa tiêu về số lượng, nâng cao chất lượng về trình độ chuyên môn lẫn ngoại ngữ để nâng tầm ngang với hoa tiêu các nước trong khu vực Đông Nam Á, khẳng định được năng lực và uy tín, chất lượng dịch vụ của Công ty với khách hàng, tạo được lòng tin và sự hài lòng của khách hàng.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm báo cáo (2020)
1	Lượt tàu	Lượt	13.547	13.981	14.526	14.100
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	209,89	209,699	213,597	203,874
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	69,27	69,767	65,723	63,501
4	Nộp ngân sách (thuế TNDN)	Tỷ đồng	14,00	13,941	13,145	12,700
5	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	17,68	11,90		31,405
a)	- Nguồn ngân sách	Tỷ đồng				
b)	- Vốn vay	Tỷ đồng				
c)	- Vốn khác	Tỷ đồng	17,68	11,90		31,405
6	Tổng lao động	Người	209	210	218	215
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	85,57	84,38	82,84	75,35
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	3,09	3,17	3,213	1,65
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	82,48	81,21	79,627	73,70